

### QUYẾT ĐỊNH

**Công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thay thế trong lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng được tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Khoa học và Công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính*

*Căn cứ Quyết định số 2176/QĐ-BKH-CN ngày 07/8/2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh với các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã về việc công bố, cập nhật, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1334/TTr-SKH-CN ngày 28/10/2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

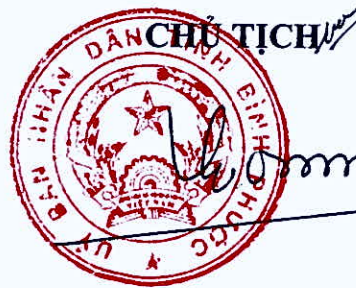
**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thay thế trong lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Khoa học và Công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Phước (Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế: Thủ tục hành chính số thứ tự 44 và số 45 tại khoản IV, Mục A phần I, Danh mục thủ tục hành chính và số thứ tự 44 và số 45 tại khoản IV, phần II, Nội dung cụ thể của thủ tục hành chính (từ trang 365 đến hết trang 370), thuộc phần II. Nội dung cụ thể của thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Quyết định số 2131/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa, sửa đổi, bổ sung và thay thế được tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Khoa học và Công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Cục kiểm soát TTHC (VPCP);
- CT; các PCT UBND tỉnh;
- Bộ Khoa học và Công nghệ (bc);
- Như Điều 3;
- LĐVP; Các phòng, Trung tâm;
- Lưu: VT, PKSTTHC<sub>(Ch)</sub>.



**Trần Tuệ Hiền**



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH  
VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG THUỘC THẨM  
QUYỀN QUẢN LÝ VÀ GIẢI QUYẾT THUỘC NGÀNH KHO HỌC VÀ  
CÔNG NGHỆ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2812/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2020  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**Phần I**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

ST T	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Trang	Mức DVC
<b>IV. Lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng</b>					
44	2.000212. 000.00.00.H10	Công bố sử dụng dấu định lượng	Thông tư số 21/2014/TT BKHCN	365	4
45	1.000449. 000.00.00.H10	Điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng	Thông tư số 21/2014/TT BKHCN	368	4

**Phần II**  
**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**NGÀNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

**IV. LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG**

**44. Công bố sử dụng dấu định lượng. Mã số TTHC: 2.000212**

**a) Trình tự thực hiện:**

**Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ**

Cơ sở sử dụng dấu định lượng nộp bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn lập hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận của Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ: số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Thời gian thực hiện 0,5 ngày.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Trong giờ hành chính vào ngày làm việc trong tuần (thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ nghỉ).

**Bước 2: Xử lý hồ sơ**

- Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận hồ sơ xem xét, thẩm định theo quy định: Thời gian thực hiện 03 ngày

+ Nếu hồ sơ chưa đúng quy định, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ đúng quy định, Sở Khoa học và Công nghệ ký xác nhận, đóng dấu tiếp nhận vào bản công bố của cơ sở.

**Bước 3: Trả kết quả**

Cơ sở nhận kết quả qua dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính. Thời gian thực hiện 0,5 ngày tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh.

**b) Cách thức thực hiện:**

Lập hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

Bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn

- Số lượng hồ sơ: 02 bản<sup>1</sup>

**d) Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn kiểm tra và trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: 01 ngày làm

<sup>1</sup> Khoản 1 Điều 12 Thông tư số 21/2014/TT-BKHHCN ngày 15/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn.



việc.

- Thời hạn bổ sung hồ sơ: 30 ngày kể từ ngày Sở Khoa học và Công nghệ gửi thông báo.<sup>2</sup>

- Thời hạn giải quyết sau khi hồ sơ hợp lệ, đầy đủ: 04 ngày làm việc.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ sở sản xuất, nhập khẩu hàng đóng gói sẵn nhóm 1 (nếu cơ sở sản xuất, nhập khẩu có nhu cầu công bố dấu định lượng đối với hàng đóng gói sẵn nhóm 1).

- Cơ sở sản xuất, nhập khẩu hàng đóng gói sẵn nhóm 2.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Khoa học và Công nghệ.

**g) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:** Bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn

**h) Lệ phí:** Không

**i) Tên mẫu đơn, tờ khai:**

Bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn (Mẫu kèm theo).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Cơ sở đáp ứng các điều kiện sau đây được chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng trên nhãn của hàng đóng gói sẵn

**k.1) Đối với cơ sở sản xuất hàng đóng gói sẵn**

- Được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Có đủ cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu sau đây:

+ Có đủ phương tiện định lượng hàng đóng gói sẵn (đối với cơ sở sản xuất hàng đóng gói sẵn), phương tiện đo để tự đánh giá sự phù hợp về lượng của hàng đóng gói sẵn (đối với cơ sở thực hiện tự đánh giá sự phù hợp về lượng của hàng đóng gói sẵn); các phương tiện đo được định kỳ kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định;

+ Có mặt bằng làm việc, điều kiện môi trường và điều kiện khác theo yêu cầu quy định.

- Có đủ nhân viên kỹ thuật thực hiện các biện pháp kiểm soát về đo lường quy định.

- Ban hành và thực hiện các biện pháp kiểm soát về đo lường đối với phương tiện đo, phương tiện định lượng, việc thực hiện phép đo (sau đây viết tắt là biện pháp kiểm soát về đo lường) để bảo đảm yêu cầu kỹ thuật đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn.

<sup>2</sup> Khoản 2 Điều 12 Thông tư số 21/2014/TT-BKHHCN ngày 15/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn.

- Lưu giữ đầy đủ hồ sơ kết quả kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo, hồ sơ đánh giá kỹ thuật đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn (do cơ sở tự đánh giá hoặc do cơ quan chứng nhận theo quy định được cơ sở thuê thực hiện).<sup>3</sup>

#### **k.2) Đối với cơ sở nhập khẩu hàng đóng gói sẵn**

- Phải thể hiện dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn nhóm 2.
- Ban hành và thực hiện các biện pháp kiểm soát về đo lường để bảo đảm yêu cầu kỹ thuật đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn.

#### **l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Đo lường ngày 11/11/2011;
- Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường;
- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;
- Thông tư số 21/2014/TT-BKHHCN ngày 15/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn.

*Mẫu đơn, tờ khai đính kèm*

---

<sup>3</sup> Điều 10 Thông tư số 21/2014/TT-BKHHCN ngày 15/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN CÔNG BỐ SỬ DỤNG DẤU ĐỊNH LƯỢNG**  
**TRÊN NHÃN HÀNG ĐÓNG GÓI SẴN**

Số: .....

Tên cơ sở sản xuất, nhập khẩu:

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại: .....; Fax: .....; Email:

.....

Địa chỉ văn phòng giao dịch (nếu có):

.....

Địa chỉ nơi sản xuất (nếu khác với trụ sở chính) hoặc nơi nhập khẩu:

.....

.....

...

**CÔNG BỐ**

Sử dụng dấu định lượng “V” trên nhãn hàng đóng gói sẵn sau đây:

TT	Tên hàng đóng gói sẵn	Lượng danh định ( $Q_n$ )	Khối lượng bao bì

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh  
Bình Phước đã tiếp nhận bản công  
bố. Lần tiếp nhận: .....  
....., ngày ... tháng ... năm ...  
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày ... tháng ... năm ...  
Người đứng đầu cơ sở sản xuất  
(nhập khẩu)  
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Ghi chú: Bản công bố này gồm 02 bản, Cơ sở giữ 01 bản và Sở KHCN lưu 01 bản.



**45. Điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng. Mã số TTHC: 1.000449**

**a) Trình tự thực hiện:**

**Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ**

Cơ sở sử dụng dấu định lượng khi có bất kỳ sự thay đổi nào về nội dung của bản công bố đã được tiếp nhận hoặc trường hợp bản công bố đã được tiếp nhận bị thất lạc, hư hỏng và cơ sở có nhu cầu tiếp nhận lại, cơ sở nộp bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn đến lập hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp, gửi đến bộ phận tiếp nhận của Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ: số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Thời gian thực hiện 0,5 ngày.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Trong giờ hành chính vào ngày làm việc trong tuần (thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ nghỉ).

**Bước 2: Xử lý hồ sơ**

- Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận hồ sơ xem xét, thẩm định theo quy định: Thời gian thực hiện 03 ngày

+ Nếu hồ sơ chưa đúng quy định, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ đúng quy định, Sở Khoa học và Công nghệ ký xác nhận, đóng dấu tiếp nhận vào bản công bố của cơ sở.

**Bước 3: Trả kết quả**

- Bước 3. Cơ sở nhận kết quả qua dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính. Thời gian thực hiện 0,5 ngày tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh.

**b) Cách thức thực hiện:**

Lập hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

Bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn.

- Số lượng hồ sơ: 02 bản<sup>4</sup>

**d) Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn kiểm tra và trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: 01 ngày làm việc.

- Thời hạn bổ sung hồ sơ: 30 ngày kể từ ngày Sở Khoa học và Công nghệ

<sup>4</sup> Khoản 1 Điều 12 Thông tư số 21/2014/TT-BKHHCN ngày 15/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn.



gửi thông báo<sup>5</sup>.

- Thời hạn giải quyết sau khi hồ sơ hợp lệ, đầy đủ: 04 ngày làm việc.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ sở sản xuất, nhập khẩu hàng đóng gói sẵn nhóm 1 (nếu cơ sở sản xuất, nhập khẩu có nhu cầu công bố dấu định lượng đối với hàng đóng gói sẵn nhóm 1).

- Cơ sở sản xuất, nhập khẩu hàng đóng gói sẵn nhóm 2.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Khoa học và Công nghệ

**g) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:** Bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn

**h) Lệ phí:** Không

**i) Tên mẫu đơn, tờ khai:**

Bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn (Mẫu kèm theo).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Cơ sở đáp ứng các điều kiện sau đây được chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng trên nhãn của hàng đóng gói sẵn:

**k.1) Đối với cơ sở sản xuất**

- Được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Có đủ cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu sau đây:

+ Có đủ phương tiện định lượng hàng đóng gói sẵn (đối với cơ sở sản xuất hàng đóng gói sẵn), phương tiện đo để tự đánh giá sự phù hợp về lượng của hàng đóng gói sẵn (đối với cơ sở thực hiện tự đánh giá sự phù hợp về lượng của hàng đóng gói sẵn); các phương tiện đo được định kỳ kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định;

+ Có mặt bằng làm việc, điều kiện môi trường và điều kiện khác theo yêu cầu quy định.

- Có đủ nhân viên kỹ thuật thực hiện các biện pháp kiểm soát về đo lường quy định.

- Ban hành và thực hiện các biện pháp kiểm soát về đo lường đối với phương tiện đo, phương tiện định lượng, việc thực hiện phép đo (sau đây viết tắt là biện pháp kiểm soát về đo lường) để bảo đảm yêu cầu kỹ thuật đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn.

- Lưu giữ đầy đủ hồ sơ kết quả kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo, hồ sơ đánh giá kỹ thuật đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn (do cơ sở tự

<sup>5</sup> Khoản 2 Điều 12 Thông tư số 21/2014/TT-BKHHCN ngày 15/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn.

đánh giá hoặc do cơ quan chứng nhận theo quy định được cơ sở thuê thực hiện).<sup>6</sup>

**k.2) Đối với cơ sở nhập khẩu**

- Phải thể hiện dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn nhóm 2.
- Ban hành và thực hiện các biện pháp kiểm soát về đo lường để bảo đảm yêu cầu kỹ thuật đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đo lường ngày 11/11/2011;
- Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường;
- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;
- Thông tư số 21/2014/TT-BKHHCN ngày 15/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn.

***Mẫu đơn, tờ khai đính kèm***

---

<sup>6</sup> Điều 10 Thông tư số 21/2014/TT-BKHHCN ngày 15/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn.



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN CÔNG BỐ SỬ DỤNG DẤU ĐỊNH LƯỢNG**  
**TRÊN NHÃN HÀNG ĐÓNG GÓI SẴN**

Số: .....

Tên cơ sở sản xuất, nhập khẩu:.....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: .....; Fax: .....; Email: .....

Địa chỉ văn phòng giao dịch (nếu có): .....

Địa chỉ nơi sản xuất (nếu khác với trụ sở chính) hoặc nơi nhập khẩu:

.....

.....

**CÔNG BỐ**

Sử dụng dấu định lượng “V” trên nhãn hàng đóng gói sẵn sau đây:

TT	Tên hàng đóng gói sẵn	Lượng danh định ( $Q_n$ )	Khối lượng bao bì

**Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh**  
**Bình Phước đã tiếp nhận bản**  
**công bố. Lần tiếp nhận:**

.....

....., ngày ... tháng ... năm ...  
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày ... tháng ... năm ...

**Người đứng đầu cơ sở sản xuất**  
**(nhập khẩu)**

(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)



*Ghi chú: Bản công bố này gồm 02 bản, Cơ sở giữ 01 bản và Sở KHCN lưu 01 bản.*